

BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI

NGUYỄN THỊ SONG THƯƠNG

**ĐỜI SỐNG VĂN HÓA CỦA CỘNG DÂN ÓC EO
Ở TÂY NAM BỘ**
(Qua tư liệu khảo cổ học)

Chuyên ngành: Văn hóa học

Mã số: 62310640

LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HOÁ HỌC

HÀ NỘI – 2015

Công trình đã được hoàn thành tại:
Trường Đại học Văn hóa Hà Nội
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS. Nguyễn Văn Cần
2. TS. Lê Thị Liên

Phản biện 1: GS.TS. Nguyễn Chí Bền
Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam

Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Duy Bắc
Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Phản biện 3: PGS.TS. Lâm Bá Nam
Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Luận án sẽ được bảo vệ tại hội đồng chấm luận án cấp Trường họp tại:
Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

Số 418, đường Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA LUẬN ÁN

1.1. Văn hoá Óc Eo là một nền văn hoá khảo cổ, được giới khoa học biết đến từ những năm 80 của thế kỷ XIX. Tên gọi của nền văn hoá này do nhà khảo cổ học người Pháp Louis Malleret đặt ra sau cuộc khai quật vào tháng 4 năm 1944 ở cánh đồng Óc Eo (Thoại Sơn - An Giang). Cho đến nay hàng loạt di tích ở khắp các tỉnh TNB khác được khai quật. Số lượng lớn các hiện vật đã được phát hiện, sưu tầm và lưu giữ trong các bảo tàng trung ương và bảo tàng các tỉnh.

1.2. Đến nay, đã có hàng ngàn bài viết, sách chuyên khảo, kỷ yếu hội nghị và các báo cáo khảo sát điều tra liên quan tới nền văn hoá này. Những thành quả này của các nhà khoa học về văn hoá Óc Eo rất đáng trân trọng. Tuy nhiên, những kết quả nghiên cứu nói trên mới chủ yếu là dưới góc độ các nghiên cứu khảo cổ học. Việc tìm hiểu khối tư liệu khảo cổ học từ hướng tiếp cận văn hoá học còn rất hạn chế. Việc nghiên cứu phạm vi phân bố, nội dung và đặc điểm, niên đại và quá trình phát triển của các di tích, cội nguồn và truyền thống của văn hoá Óc Eo... trong mối liên hệ với cư dân - chủ nhân của nền văn hoá này còn chưa đầy đủ. Những vấn đề lịch sử liên hệ văn hoá Óc Eo với các thể chế chính trị đương thời như nước Phù Nam, đến Chân Lạp... vẫn cần tiếp tục tìm tòi, lý giải, minh định.

Với những lý do trên, tác giả đã chọn đề tài ***Đời sống văn hoá của cư dân Óc Eo ở Tây Nam Bộ (Qua tư liệu khảo cổ học)*** để làm luận án Tiến sĩ, chuyên ngành Văn hoá học của mình.

2. MỤC ĐÍCH VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu các mặt đời sống văn hóa (đời sống vật chất và đời sống tinh thần) của cư dân Óc Eo, nhằm làm rõ những sáng tạo của cư dân ở miền TNB những thế kỷ đầu Công nguyên.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hoá các tư liệu và kết quả nghiên cứu văn hoá Óc Eo cả về mặt khảo cổ lẫn các nghiên cứu của các học giả trong cũng như ngoài nước.

- Trên cơ sở nguồn tư liệu văn hoá Óc Eo, luận án hướng tới việc phân định các di tích di vật là minh chứng cho đời sống văn hoá xã hội Óc Eo.

- Bằng phương pháp tiếp cận văn hoá học, công trình làm rõ những khía cạnh đời sống văn hoá của cư dân Óc Eo ở TNB, góp phần nâng cao nhận thức về đời sống văn hoá của cư dân Óc Eo ở một giai đoạn lịch sử quan trọng của vùng đất này.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các di tích di vật, di tích, những sáng tạo của cư dân Óc Eo phản ánh đặc trưng văn hóa của họ.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: nghiên cứu các khía cạnh đời sống văn hoá của cư dân Óc Eo ở các tỉnh miền TNB, trong đó tập trung ở ba tỉnh có các di tích văn hoá Óc Eo tiêu biểu nhất là: An Giang, Đồng Tháp và Kiên Giang.

- Về thời gian: luận án tập trung tìm hiểu văn hoá Óc Eo chủ yếu ở giai đoạn từ khoảng thế kỷ II đến thế kỷ VII.

4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

4.1. Luận án sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử trong nghiên cứu văn hoá quá khứ, nhằm nhìn nhận và đánh giá khách quan, khoa học về DSVH.

4.2. Do đối tượng đặc thù của luận án là các tư liệu khảo cổ học, luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu của chuyên ngành sử học và nhân học. Đặc biệt là sử dụng nhân học biểu tượng vào quá trình thu thập, phân tích tư liệu. Trong đó, các phương pháp định tính và định lượng trên cơ sở quan sát, mô tả, thống kê, chụp ảnh... được đặc biệt chú trọng.

Tác giả luận án đã tham gia một số đợt khảo sát khảo cổ học tới các di tích và các bảo tàng, thảo luận cùng với các nhà khảo cổ học về mối liên hệ của các bộ sưu tập với di tích và địa tầng khảo cổ học, cũng như môi trường sinh thái cổ. Từ đó có cơ sở để phân tích và phục dựng lại đời sống văn hoá của một xã hội nay không còn.

4.3. Trong quá trình phân tích tư liệu khảo cổ học, việc đối chiếu và so sánh với các nguồn sử liệu và tư liệu thành văn khác được thực hiện trên cơ sở áp dụng một số kết quả nghiên cứu đa ngành về lịch sử nghệ thuật, tôn giáo tín ngưỡng, phương thức sản xuất, giao lưu văn hoá... nhằm nhận ra hệ thống các hình thái biểu thị giá trị của xã hội và cư dân Óc Eo.

5. NHỮNG KẾT QUẢ VÀ ĐÓNG GÓP CỦA LUẬN ÁN

5.1. Luận án tổng hợp, hệ thống hoá tư liệu khảo cổ học, kết quả nghiên cứu văn hoá Óc Eo và các nguồn tư liệu khác, nhằm cung cấp một cách cập nhật và có hệ thống nguồn tư liệu về văn hoá Óc Eo ở TNB.

5.2. Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích, so sánh, đối chiếu những dấu tích khảo cổ học và các sưu tập di vật của cư dân Óc Eo được phát hiện ở miền TNB, luận án cung cấp những kiến giải về đời sống vật chất, tinh thần và làm rõ các đặc điểm của nó nhằm có cái nhìn khách quan, toàn diện về bức tranh văn hoá thời sơ sử ở TNB, Việt Nam.

5.3. Bằng việc so sánh, đối chiếu với các tư liệu ở các khu vực khác, luận án xác định những đặc trưng văn hoá của cư dân Óc Eo ở TNB và sự biến đổi đời sống văn hoá của cư dân Óc Eo trong quá trình giao lưu với các cư dân láng giềng.

5.4. Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ cung cấp và góp thêm tư liệu cho việc tìm hiểu văn hoá Óc Eo ở TNB, lịch sử văn hoá miền TNB nói chung, phổ biến kiến thức văn hoá - lịch sử Óc Eo cho nhân dân miền TNB, nhân dân cả nước và bạn bè quốc tế, góp phần cung cấp các kiến giải và luận cứ khoa học cho việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong thời kỳ mở cửa, hội nhập quốc tế hiện nay.

6. BỐ CỤC CỦA LUẬN ÁN

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung luận án được trình bày trong 4 chương như sau:

Chương 1: Tổng quan về miền Tây Nam Bộ và lịch sử nghiên cứu văn hoá Óc Eo

Chương 2: Đặc điểm đời sống văn hoá vật chất của cư dân Óc Eo

Chương 3: Đặc điểm đời sống văn hoá tinh thần của cư dân Óc Eo

Chương 4: Văn hóa Óc Eo ở Tây Nam Bộ trong bối cảnh giao lưu văn hóa với các nền văn hóa khác.

Chương 1

TỔNG QUAN VỀ MIỀN TÂY NAM BỘ VÀ LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU VĂN HOÁ ÓC EO

1.1. Những khái niệm liên quan đến đề tài

Văn hoá là hệ thống các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lao động, sản xuất, được tích lũy từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Khảo cổ học là ngành khoa học nghiên cứu những nền văn hoá của loài người qua quá trình phục chế, tìm hiểu tài liệu và phân tích những dữ liệu như: di vật, di tích, hài cốt... [101, tr.29].

Văn hoá khảo cổ: là nền văn hoá của một thời kỳ lịch sử cổ xưa được xác định trên cơ sở tổng thể của một nhóm di tích khảo cổ có những đặc điểm giống nhau, phân bố liên khoảnh, tồn tại trong một khung thời gian nhất định, có một số về đặc trưng di tích, di vật ổn định phân biệt rõ với các văn hoá khác và chủ nhân thường là một tộc người nhất định [109, tr.14-15].

Văn hoá Óc Eo là một nền văn hoá khảo cổ có những đặc điểm chung về di tích, di vật được khảo cổ học phát hiện ở trên khắp vùng Nam Bộ, trong đó di tích quan trọng nhất là di tích Óc Eo. Nhiều công trình nghiên cứu khoa học dựa vào các kết quả khai quật khảo cổ đã chứng minh văn hoá Óc Eo là sản phẩm vật chất của Vương quốc Phù Nam.

Đời sống văn hoá là một lát cắt trong đời sống chung của xã hội. Nó là tổng hoà của những yếu tố văn hoá vật thể và văn hoá phi vật thể do con người sáng tạo ra.

1.2. Điều kiện hình thành văn hoá Óc Eo

1.2.1. Điều kiện tự nhiên

Theo các nhà Địa chất, quá trình hình thành vùng đất TNB diễn ra thời gian khá dài và phức tạp, chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố như: quá trình biến tiến, biến thoái, vận động của vỏ trái đất, các hoạt động bào mòn và tích tụ... Trong đó, các đợt biến tiến, biến thoái có tác động mạnh mẽ nhất đến sự hình thành vùng đất Nam Bộ.

Về khí hậu, những đặc điểm của các nhóm cổ sinh có thể xác định được khí hậu thời kỳ Pleistocen ở đồng bằng Nam Bộ có chế độ nhiệt đới gió mùa rất rõ. Thảm thực vật toàn vùng đã phản ánh điều kiện khí hậu thời kỳ Óc Eo mang tính nhiệt đới có sự xen kẽ nóng khô và nóng ẩm.

1.2.2. Dân cư

Từ những kết quả phân tích cổ nhân học, khảo cổ học và tư liệu của thư tịch cổ Trung Hoa cho thấy chủ nhân nền văn hoá Óc Eo - Phù Nam là người bản địa thuộc chủng Indonesien. Trong quá trình phát triển, họ có sự tiếp xúc và cộng cư với những yếu tố nhân chủng khác tạo nên cộng đồng cư dân Óc Eo, cùng nhau xây dựng nên vương quốc Phù Nam hùng mạnh.

1.3. Lịch sử nghiên cứu và các dấu tích văn hoá Óc Eo

1.3.1. Lịch sử nghiên cứu

- Nghiên cứu về đời sống văn hoá vật chất của văn hoá Óc Eo

Về lương thực, thực phẩm, đã có nhiều công trình đề cập đến, đa số những công trình này là những báo cáo khảo cổ học hoặc nghiên cứu dưới góc độ khảo cổ học, nghiên cứu mẫu xương răng động vật, các dấu tích lúa gạo, vỏ trái cây được phát hiện trong di tích... Đây sẽ là những cứ liệu xác thực nhất mà luận án kế thừa nhằm làm rõ những đặc trưng trong văn hoá ẩm thực của cư dân Óc Eo ở miền TNB.

Về trang phục, trong quá trình phân tích di vật, các tác giả có những nhận định về trang phục của cư dân Óc Eo. Tuy nhiên, những nhận định này chỉ được các tác giả nhắc đến một cách khái quát trong quá trình phân tích các di vật. Tác giả luận án dựa vào các báo cáo khảo cổ, những nhận định của các tác giả đi trước về trang phục của cư dân Óc Eo để làm rõ thái độ ứng xử của con người với môi trường tự nhiên vùng TNB những thế kỷ đầu Công nguyên.

Về cư trú, những công trình đi trước đã đề cập đến một số hình thức cư trú của cư dân Óc Eo như: cư trú trên nhà sàn, thuyền bè và nền gạch. Tuy nhiên, nó chỉ dừng lại ở việc nêu lên một cách sơ lược về các hình thức cư trú, chứ chưa đi sâu phân tích, lý giải tại sao cư dân Óc Eo lại chọn những hình thức cư trú này. Trên cơ sở các công trình đi trước, tác giả luận án sẽ kế thừa, làm rõ hơn về mô hình cư trú, các hình thức cư trú và thái độ ứng xử của con người đối với môi trường tự nhiên.

Về giao thông, các phát hiện khảo cổ học về các phương tiện giao thông rất ít, chỉ phát hiện một số mảnh vỡ của thuyền, trục bánh xe bằng gỗ và hình vẽ trên các lá vàng. Một số công trình đoán định, thời kỳ này chủ yếu sử dụng thuyền bè để đi lại. Đây là chứng cứ xác thực và là gợi ý quan trọng để chúng tôi mạnh dạn đưa ra những lý giải của mình trong vấn đề đi lại của cư dân Óc Eo.

Về các ngành sản xuất, thông qua những di vật phát hiện, các tác giả đều cho rằng, nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp phát triển mạnh mẽ. Đặc biệt, các công trình đã đề cập đến các ngành nghề thủ công một cách khá cụ thể, thông qua việc phân tích các di vật được phát hiện. Đây là tài liệu liên quan, xuyên suốt đề tài. Bởi các di vật được phát hiện và những phân tích trong các công trình trên không chỉ sử dụng cho các ngành nghề thủ công mà còn là

minh chứng cho những phong tục, tập quán, tôn giáo tín ngưỡng, giao lưu văn hoá mà luận án sẽ thực những

- *Nghiên cứu về đời sống văn hoá tinh thần của văn hoá Óc Eo*

Khi nghiên cứu về *tôn giáo và tín ngưỡng* của cư dân Óc Eo, các tác giả đều thống nhất, thời kỳ này, cả Phật giáo và Hindu giáo đều đã phát triển một cách mạnh mẽ. Các tác giả đã thống kê một số lượng lớn các di vật tìm thấy để chứng minh cho điều này. Chúng tôi được chỉ dẫn và kế thừa nhiều qua những lý giải, phân tích sâu sắc từ các công trình này. Bên cạnh hệ thống các tượng thờ trong các bảo tàng, các bài viết này góp thêm những thông tin, minh chứng cho những nhận định mà chúng tôi sẽ phân tích trong luận án.

Khi nghiên cứu về *nghệ thuật*, đa số các công trình chỉ đề cập đến sự thể hiện nghệ thuật qua các đề tài tôn giáo, không có công trình nào nghiên cứu về nghệ thuật Óc Eo được thể hiện dưới hình thức âm nhạc, điêu khắc...

Về *phong tục tập quán*, rất ít tài liệu đề cập đến phong tục tập quán của cư dân Óc Eo, trong đó có một số tác giả đề cập đến cách thức mai táng của cư dân Óc Eo, đặc biệt là trong các báo cáo khảo cổ học về loại hình mộ táng. Tuy nhiên, các bài viết chỉ dừng lại ở việc miêu tả các ngôi mộ, số lượng các vật tuỳ táng dưới góc độ khảo cổ, chưa làm rõ được những phong tục tập quán trong việc chôn cất người chết của cư dân nơi đây, và việc chôn cất như vậy đã nói lên điều gì. Đó chính là những khoảng trống mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu.

Chữ viết các công trình chủ yếu là các bài viết mang tính chất giới thiệu khái quát về chữ viết trên các bia ký ở miền TNB. Đặc biệt, trong một công trình nghiên cứu chuyên biệt về chữ viết cổ tác giả Thái Văn Chải [8] đã thống kê, phân tích, nhận định và giới thiệu một số bia ký ở Đông Dương. Đây là nguồn tư liệu quý giá, tác giả đã kế thừa và tiếp thu có phê phán, chọn lọc những thành tựu nghiên cứu về chữ viết của cư dân Óc Eo ở miền TNB.

- *Mối quan hệ giữa các nước trong khu vực với vương quốc Phù Nam*

Từ các hiện vật lạ, có nguồn gốc xuất xứ từ bên ngoài được phát hiện trong các di chỉ thuộc văn hoá Óc Eo, một số tác giả có nhận định, vương quốc Phù Nam đã diễn ra sự giao lưu, mua bán với thế giới bên ngoài. Đây là định hướng quan trọng để tác giả nghiên cứu sự biến đổi đời sống văn hoá của cư dân Óc Eo.

Tóm lại, phần lớn các công trình tập trung tiếp cận dưới góc độ nghiên cứu khảo cổ học, hoặc theo hướng nghiên cứu lịch sử, rất ít nghiên cứu theo hướng văn hoá học. Tiếp cận văn hoá Óc Eo dưới góc nhìn văn hoá học là mảng đề tài mới lạ. Các tài liệu hiện có chủ yếu chỉ nằm trong phạm vi một bài báo, các báo cáo khảo cổ, chỉ mang tính khai mở, nhỏ lẻ. Tuy nhiên, những thành quả nghiên cứu của các công trình đi trước sẽ là những viên gạch đặt nền móng, có tác dụng định hướng, gợi mở các hướng nghiên cứu mới, là nguồn tư liệu bổ ích và quý giá để các công trình nghiên cứu tiếp theo có thể kế thừa.

1.3.2. Các dấu tích văn hoá Óc Eo

1.3.2.1. Các loại hình di tích và đặc trưng phân bố

- Cảng thị: được hình thành dọc các con sông, ven biển, có vai trò rất quan trọng trong việc giao lưu, buôn bán với các vùng trong khu vực, hay còn gọi giao lưu, buôn bán nội địa. Những cảng thị ven sông đồng thời cũng là những khu xưởng chế tác thủ công quan trọng của Phù Nam như: di tích Nhơn Thành, Gò Hàng...

- Các trung tâm tôn giáo, chính trị: Phù Nam chịu ảnh hưởng một cách sâu sắc bởi văn hoá Ấn Độ, nó được xem là một trong những “quốc gia Ấn Độ hoá ở Viễn Đông” đầu tiên. Sự ảnh hưởng này được thể hiện trong tất cả các mặt đời sống của cư dân nơi đây, trong đó, tôn giáo đóng vai trò quan trọng nhất, nó chi phối toàn bộ mọi hoạt động khác. Chính vì thế, trong vương quốc lúc bấy giờ đã hình thành nên những trung tâm tôn giáo, chính trị quan trọng như di tích Gò Tháp, Đá Nổi, Gò Xoài...

- Các khu cư trú: Qua kết quả một số cuộc khai quật cho thấy, cư dân Óc Eo cư trú trên nhiều địa hình khác nhau, cuộc sống của con người khá đa dạng, phong phú và đã có những biểu hiện của một cuộc sống ổn định. Những di tích ở TNB phần lớn được phân bố tại các tụ điểm, đầu mối của những tuyến giao thông và được nối liền với nhau bằng những kênh đào cổ tạo thành một hệ thống đường thuỷ rộng lớn.

- Các xưởng chế tác thủ công: Trong văn hoá Óc Eo, các ngành nghề thủ công đặc biệt phát triển. Trong đó, nghề chế tác kim hoàn là phát triển nhất, để lại nhiều dấu vết trong các di tích Óc Eo, Phum Quao, Đá Nổi, Nền Chùa, Cảnh Đền, Vĩnh Hưng, Nhơn Thành, Gò Tháp, Gò Hàng, Gò Dung...

1.3.2.2. Các loại hình di vật tiêu biểu: Các loại di vật trong văn hoá Óc Eo được phát hiện, thu thập từ đầu thế kỷ XIX, với số lượng lớn, phong phú các chủng loại với các chất liệu khác nhau như: đá, đất nung, đồng, sắt, vàng, gỗ... Theo số liệu của BTLA HCM hiện có khoảng 1860 di vật đang được bảo quản tại đây, trong đó có hơn 500 di vật sưu tầm, khai quật từ sau năm 1975. Chỉ riêng ở BTLA, bộ sưu tập về đá ngọc đã lên đến 695 di vật, chế tác từ 6 chất liệu với 20 loại hình khác nhau. Ngoài ra, số lượng di vật được trưng bày trong nhà truyền thống ở các tỉnh, cũng như những bộ sưu tập của tư nhân chiếm số lượng đáng kể với nhiều hiện vật có giá trị.

Nhìn chung, các di vật ở đây đa dạng về loại hình, trình độ kỹ thuật và thẩm mỹ cao, có những sắc thái riêng, độc đáo thể hiện yếu tố văn hoá của từng vùng, đồng thời, cũng có những đặc trưng chung của văn hoá Óc Eo ở TNB. Các di vật là những tư liệu để tìm hiểu các ngành nghề thủ công, những phong tục tập quán trong xã hội của cư dân Óc Eo cũng như mối quan hệ với các nước láng giềng. Chính nó đã góp phần khẳng định nhiều mặt hoạt động của đời sống trong các di tích văn hoá Óc Eo.

Tiểu kết

Trong chương này, chúng tôi đã hệ thống hoá các khái niệm có liên quan đến đề tài. Các khái niệm này có tính chất “chìa khoá” mở ra hướng nghiên cứu cho đề tài về đời sống văn hoá của cư dân Óc Eo ở miền TNB.

Đồng bằng sông Cửu Long hay còn gọi là TNB là một vùng châu thổ mới. Trải qua quá trình bồi lắng phù sa của sông Mê Kông và những đợt biển tiến, biển thoái, sự vận động của vỏ trái đất hàng trăm triệu năm đã hình thành nên vùng châu thổ phì nhiêu như hiện nay. Nơi đây có khí hậu nhiệt đới gió mùa, tạo điều kiện thuận lợi cho một nền văn minh đô thị - thương mại phát triển rực rỡ từ những thế kỷ đầu Công nguyên.

Những phát hiện và nghiên cứu khảo cổ học là nguồn tài liệu vô cùng quý giá, là cơ sở để nghiên cứu đời sống văn hoá của cư dân Óc Eo ở miền TNB. Trên cơ sở bức tranh tổng quan những nội dung và kết quả chính của các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài đời sống văn hoá của cư dân Óc Eo, những thành quả nghiên cứu của các công trình đi trước sẽ là những viên gạch đặt nền móng, chỉ dẫn, định hướng, gợi mở, mở ra hướng nghiên cứu mới. Những di vật, hiện vật đã được phát hiện và công bố là cơ sở cho những nhận định, nghiên cứu về đời sống vật chất, tinh thần của cư dân Óc Eo ở miền TNB.

Chương 2

ĐẶC ĐIỂM ĐỜI SỐNG VĂN HOÁ VẬT CHẤT CỦA CƯ DÂN ÓC EO

2.1. Đời sống sinh hoạt

2.1.1. Ăn uống

Cơ cấu bữa ăn của cư dân Óc Eo không khác so với ngày nay. Họ ăn cơm, rau là chính, sau đó đến tôm cá là nguồn lương thực sẵn có trong thiên nhiên, và cuối cùng mới đến thịt. Các loại lương thực, thực phẩm đã được người dân nơi đây chế biến theo nhiều cách khác nhau. Điều này được thể hiện qua những chiếc nồi, tô, bát, đĩa. Nó có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong đời sống sinh hoạt của cư dân Óc Eo ở TNB, mà qua đó, những phong tục và tập quán ẩm thực được thể hiện một cách rõ nét nhất.

Đồ uống: cư dân Óc Eo có thể sử dụng các loại hoa: sen, cúc, Atisô để nấu nước để uống. Ngoài ra, họ còn biết chế biến các loại rượu để uống. Họ lấy mật và bông cây lựu để vào lu nhiều ngày thì hoá thành rượu

2.1.2. Trang phục

Qua các hiện vật, cũng như từ tư liệu thư tịch cổ Trung Hoa có thể hình dung trang phục của cư dân Óc Eo: phụ nữ mặc váy dài, phần trên để trần hoặc phủ kín; đàn ông đóng khố ngắn, phần trên để trần, cả nam lẫn nữ đều đeo nhiều đồ trang sức, bùa đeo. Người giàu có dùng trang sức vàng, bạc, đá quý; người nghèo đeo trang sức bằng đồng, thiếc, các loại hợp kim chì, thuỷ tinh, đất nung... Thông qua trang phục, có thể thấy được phần nào trình độ phát triển của xã hội Óc Eo - có sự phân hoá giàu nghèo rõ rệt.

2.1.3. Nơi ở

2.1.3.1. Không gian

Cư dân Óc Eo thường chọn những nơi cao ráo, thậm chí là sườn núi để sinh sống, nhưng bao giờ cũng nằm ven biển, cạnh những con sông hoặc có những mương nước, luôn tuân thủ theo nguyên tắc mô hình cư trú “trung tâm” và “vệ tinh”. Nghĩa là xung quanh các trung tâm đô thị có các khu dân cư, sản xuất nông nghiệp, sản xuất các loại hàng thủ công, cũng có thể là các địa điểm trao đổi, mua bán bao quanh, tạo thành “vệ tinh”. Các khu trung tâm thường là nơi tập trung hoạt động chính trị, văn hoá, tôn giáo và có cả các xưởng sản xuất thủ công quan trọng.

2.1.3.2. Các loại nhà ở

Nhà sàn: được coi là hình thức cư trú khá phổ biến trong đời sống của cư dân Óc Eo. Đối với một cộng đồng cư dân sống trên vùng sinh lầy, hệ thống sông ngòi chằng chịt, lại là vùng đồng bằng thấp, thường xuyên bị ngập nước như vùng châu thổ Cửu Long, thì sự lựa chọn cư trú trên nhà sàn đã thể hiện thái độ ứng xử khôn ngoan của người dân với môi trường tự nhiên nơi đây.

Nhà trệt: một thái độ khác thể hiện rõ nét sự nỗ lực khắc phục khó khăn từ thiên nhiên của cư dân Óc Eo, đó là hình thức cư trú trên các khu vực có địa hình cao, các gò, gò đất đắp hoặc giồng đất... Hình thức cư trú này được xem là phương pháp hữu hiệu nhất để khắc phục nền đất sinh lầy, tạo ra những điểm tựa cố định, vững chắc nhằm bảo vệ, chống lại sự tàn phá của nước ngầm và nước lũ trong điều kiện cụ thể của đồng bằng châu thổ thấp ven biển, bị ngập nước nhiều tháng trong năm.

Sống trên thuyền bè: Bên cạnh lối sống định cư trên các nhà sàn hay các ngôi nhà được đắp nền gạch một cách kiên cố, thì có thể có một bộ phận cư dân Óc Eo sống trôi nổi trên các thuyền bè như một số cư dân Nam Bộ ngày nay.

2.1.4. Đi lại

Về đường thủy: cư dân Óc Eo chủ yếu sống dọc theo các kênh rạch, sông ngòi. Các con kênh là những đại lộ nối liền các vùng với nhau, tạo thành một mạng lưới giao thông chằng chịt trên toàn vùng châu thổ sông Cửu Long. Họ đã biết khai thông và đào những đường nước phục vụ cho giao thông và thoát nước trong mùa ngập úng, điều tiết thủy lợi cho hoạt động nông nghiệp; biết nắm bắt và hiểu sâu rộng về điều kiện tự nhiên. Điều này đã tạo nên mối quan hệ hài hòa giữa con người và môi trường sống.

Về đường bộ: để vận chuyển các loại hàng hoá trên địa hình cao, bằng phẳng rất có thể người Óc Eo đã sử dụng sức kéo của nhiều loại động vật khác nhau như: voi, ngựa, trâu, bò, ngựa... Trong đó, loài voi được coi là phương tiện giao thông quan trọng nhất trên các vùng rừng rậm, đồi núi.

2.2. Đời sống mưu sinh

2.2.1. Nông nghiệp

Nghề trồng lúa: đã phát triển một cách mạnh mẽ từ thời kỳ Óc Eo, lúa gạo trở thành nguồn lương thực chính để nuôi sống con người. Người dân nơi đây đã biết sử dụng các kỹ thuật để trồng lúa, đặc biệt, nghề lúa nước mới khởi sự ở vùng

thấp châu thổ. Nó đã nhanh chóng phát triển, làm thay đổi cơ bản nhiều lĩnh vực đời sống con người và xã hội, bắt đầu hình thành một nền văn minh nông nghiệp lúa nước, tiếp nối nền văn minh lúa cạn vẫn phát triển ở vùng Đồng Nai.

Nghề làm vườn, trồng cây ăn quả: ở thời kỳ này rất phong phú, về chủng loại, mở rộng về địa bàn, quy mô sản xuất lớn, kỹ thuật được nâng cao, đổi mới và dần chuyển sang chuyên môn hoá. Có thể thời kỳ này đã có những người chỉ chuyên trồng các loại cây ăn trái, trở thành một kế sinh nhai. Sản phẩm của nghề này gia tăng rất nhiều về mặt số lượng, trong đó, chủ yếu là mía, đường, cau...

Chăn nuôi, đánh bắt: cư dân vùng ĐBSCL đã biết tận dụng nguồn lợi từ thiên nhiên để phát triển nghề đánh bắt thủy hải sản. Nhiều loại động vật đã sinh được sản phẩm làm thực phẩm như các loại bò rừng, heo rừng, hươu, hoẵng, voi, ngựa... Đặc biệt, hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm của cư dân Óc Eo thời kỳ này đã phát triển trên quy mô lớn và rất đa dạng, thậm chí, vài khâu đã có tổ chức riêng, như việc cư dân Óc Eo đã phát triển mạnh việc nuôi bò đàn, trâu đàn và cả dê.

Thủy lợi: Hệ thống kênh đào này có vai trò rất quan trọng trong đời sống của cư dân Óc Eo, có thể đáp ứng nhu cầu sử dụng nguồn nước trong sinh hoạt, nhu cầu tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp và nhu cầu giao thông. Đặc biệt, để hạn chế những thiệt hại do thủy triều lên xuống, họ đã đào những con kênh thoát nước - dẫn nước và còn để dùng trong việc đi lại. Những con kênh đào này tạo thành một mạng lưới giao thông chằng chịt nối liền những vùng cư trú lại với nhau.

2.2.2. Các nghề thủ công

2.2.2.1. Nghề làm đất nung

- Đồ gốm là di vật quan trọng, được tìm thấy nhiều nhất trong văn hoá Óc Eo. Các sản phẩm bằng gốm gắn liền với đời sống sinh hoạt thường nhật của cư dân nơi đây, cũng như phản ánh nhiều mặt đời sống văn hoá - xã hội của con người trong từng giai đoạn tồn tại và phát triển trên vùng đất này.

- Mặc dù, mới du nhập nhưng nghề sản xuất gạch ngói ở vùng ĐBSCL những thế kỷ đầu Công nguyên đóng vai trò khá quan trọng và phát triển một cách nhanh chóng theo nhu cầu phát triển của nền văn minh đô thị lúc bấy giờ. Người Óc Eo có thể sản xuất được các loại gạch đặc chủng với kích thước cực lớn nhưng vẫn đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật [1, tr.285].

2.2.2.2. *Nghề chế tác đá*: Thời kỳ Óc Eo, những công cụ đá gần như đã mất hẳn, ngoại trừ một số đồ đá mà đồ kim loại không thể thay thế được như bàn mài, bàn nghiền, bàn xoay, cối đá, khuôn đúc... Ngược lại, số lượng những vật dụng kiến trúc, tượng thờ, vật thờ bằng đá và những đồ trang sức bằng đá quý đã rất phổ biến, xâm nhập vào mọi ngõ ngách đời sống của cư dân nơi đây.

2.2.2.3. *Nghề dệt*: Cho đến nay, các nhà khoa học vẫn chưa tìm thấy dấu vết của vải và khung cửi trong văn hoá Óc Eo. Tuy nhiên, với sự xuất hiện dày đặc của những chiếc dọi xe chỉ ở một số di tích như Óc Eo cho thấy, nghề dệt trong thời kỳ Óc Eo đã rất phát triển, có thể đã có sự chuyên môn hoá cao, hình thành những xưởng dệt sản xuất vải cho cả xã hội lúc bấy giờ. Đặc biệt, thời kỳ này, có thể các loại vải được dệt ra với nhiều loại dày, mỏng, kẻ ngang, kẻ sọc, kẻ ô vuông và có thể đã có những hoa văn khác nhau.

2.2.2.4. *Nghề rèn, đúc kim loại*: Nghề rèn đúc kim loại thời kỳ này đã có bước phát triển, tuy nhiên sự phát triển ở đây không đồng đều giữa các ngành nghề. Các vật dụng phục vụ sinh hoạt hàng ngày của cư dân Óc Eo bằng kim loại như: sắt, đồng, vàng, bạc được phát hiện không nhiều. Một số đồ dùng bằng đồng, bạc, vàng được sử dụng trong nghi lễ tôn giáo, còn kim loại sắt ít thấy trong đồ gia dụng.

2.2.2.5. *Nghề chế tác đồ trang sức*: Nghề chế tác đồ trang sức là một trong những nghề phát triển mạnh mẽ nhất trong xã hội Óc Eo. Sự tinh xảo trên một số đồ trang sức và những dấu tích phát triển rục rờ của nghề kim hoàn cùng với sự xuất hiện hàng loạt các công xưởng chuyên sản xuất, chế tạo đồ trang sức, chứng tỏ đã có sự phân hoá và phân công lao động trong lĩnh vực sản xuất thủ công nghiệp. Nó phản ánh nhu cầu ngày càng cao, càng đa dạng của con người; sự phát triển, phồn thịnh của xã hội.

2.2.2.6. *Nghề mộc*: Nghề mộc ra đời từ rất sớm và phát triển một cách mạnh mẽ. Ngoài những tượng gỗ, dấu vết của đồ gỗ như cột nhà sàn, sàn gỗ, cột tạo thành hình linga, hình con tiện, trụ lan can, trục bánh xe, thuyền bè cùng với nhiều thanh gỗ gọt đẽo vuông vức được xếp trong một số ngôi mộ hoả táng... được phát hiện rải rác trong các di tích Óc Eo. Điều này chứng tỏ, nghề mộc đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong đời sống hàng ngày của cư dân Óc Eo.

2.2.2.7. *Điều khắc*: Nghề điêu khắc đã tạo được dấu ấn riêng ở vùng ĐBSCL ngay từ thế kỷ II - III SCN. Đa số các sản phẩm điêu khắc đều mang

tính chất tôn giáo. Kỹ thuật điêu khắc của các nghệ nhân thời kỳ này đã đạt trình độ cao. Họ có thể thực hiện với nhiều kích cỡ khác nhau và trên nguyên liệu đa dạng: đất nung, đá quý, vàng bạc và thủy tinh.

2.2.3. Thương nghiệp

2.2.3.1. Buôn bán tại chỗ và với các cộng đồng cư dân láng giềng

Những hoạt động mua đi, bán lại các mặt hàng thiết yếu của cuộc sống như nước ngọt, muối, gạo, đường... của cư dân Óc Eo có thể đã diễn ra rất nhộn nhịp thời bấy giờ. Đối với những vùng ven biển ngập mặn quanh năm không thể tiến hành các hoạt động nông nghiệp thì việc trao đổi lương thực, thực phẩm mà họ không thể trồng được có lẽ đã diễn ra thường xuyên. Bên cạnh đó, Phù Nam được coi là kho chứa hàng quan trọng của các thương nhân, vừa là nơi dừng chân để bổ sung nguồn lương thực, thực phẩm cũng như các loại hàng hoá khác. Họ buôn bán, trao đổi với cư dân địa phương, tạo điều kiện cho nền thương nghiệp nội địa thêm phồn thịnh, sớm trở thành một trung tâm thương mại. Ngoài ra, hoạt động mua bán ruộng đất thời kỳ này có thể cũng đã được tiến hành. Trên nhiều văn minh có ghi lại việc trao đổi, mua bán ruộng đất đã diễn ra rất phổ biến.

2.2.3.2. Ngoại thương - Buôn bán trên biển với các vùng xa

Các hoạt động ngoại thương này có lẽ đã diễn ra từ nhiều thế kỷ TCN, khi cư dân ven biển ở châu thổ sông Cửu Long bắt đầu tiếp xúc với các thương nhân bên ngoài. Khi đế quốc La Mã mở rộng giao thương buôn bán với Ấn Độ qua biển Ả Rập thì con đường thương thuyền Ấn Độ - Trung Hoa được nối dài từ Đông sang Tây đến các thương cảng trong vịnh Ba Tư hay trên bờ Biển Đỏ. Sự nối dài này làm cho hoạt động giao thương đường biển trở nên nhộn nhịp, các quốc gia ven biển như Phù Nam trở nên năng động và nhanh chóng trở thành hải cảng phồn thịnh, giàu có. Lúc này, cảng thị Óc Eo là nơi thuận lợi cho việc buôn bán, là trạm dừng chân, nơi trung chuyển của đường buôn bán Đông - Tây nên việc giao thương của cư dân Óc Eo có nhiều thuận lợi, chủng loại và số lượng hàng hoá lưu thông ngày một lớn.

Qua những phân tích trên có thể thấy, đặc trưng nổi bật trong đời sống vật chất của cư dân Óc Eo chính là sự tương thích giữa con người với môi trường đồng bằng sông nước. Chỉ ở cư dân Óc Eo, yếu tố sông nước mới nổi lên thành một đặc trưng chủ đạo, chi phối toàn bộ cuộc sống cũng như các thành tố văn

hoá của các cộng đồng cư dân sống trên vùng ĐBSCL những thế kỷ đầu Công nguyên. Cư dân Óc Eo đã tận dụng nguồn nước của sông Mê Kông, đào các con kênh dài hàng trăm km để đưa nước ngọt và phù sa vào ruộng những lúc hạn hán, để thoát lũ những lúc nước lên và còn dùng để đánh bắt thủy sản... Không chỉ thế, sông nước nơi đây còn là tiền đề phát triển các nghề buôn bán trên sông... Cho nên, không ở đâu yếu tố nước được thể hiện rõ nét, trở thành một yếu tố quan trọng cấu thành đặc trưng của văn hoá nơi đây. Đây cũng chính là thái độ ứng xử độc đáo của con người đối với thiên nhiên. Thái độ ứng xử của cư dân Óc Eo không chỉ được thể hiện qua tính chất thích nghi, sự nương nhờ, khai thác tự nhiên một cách thuận tuý mà còn là quá trình cải tạo, khắc phục tạo nên một môi trường sống hài hoà, thân thiện.

Tiểu kết

Có thể thấy, trong đời sống sinh hoạt và sản xuất ra của cải vật chất, cư dân Óc Eo đã thể hiện thái độ ứng xử hoà hợp, đồng thời, cũng rất linh hoạt với môi trường tự nhiên. Điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu nơi đây thuận lợi cho việc sinh trưởng của nhiều loại cây trồng, nhất là cây lúa. Tài liệu thư tịch cổ nói đến việc cư dân Phù Nam sống khá sung túc bằng nghề trồng lúa như việc “*gieo giống một năm gặt ba năm*”. Ngoài trồng lúa, vùng ĐBSCL còn là nơi thuận lợi cho việc trồng trọt các loại cây ăn quả, cũng là nơi có nguồn thủy, hải sản phong phú, đa dạng, đã tạo điều kiện cho cư dân nơi đây khai thác nguồn thức ăn này. Chì lưới và hình ảnh các loài thủy sản như cá, ốc, rần được thể hiện trên các đồ trang sức đã phần nào phản ánh sự gắn bó giữa con người với môi trường sinh thái nơi đây. Các loại gia súc, gia cầm cũng đã được chăn nuôi để bổ sung nguồn thực phẩm cho cuộc sống. Việc săn bắt thú rừng trên những vùng đất cao rất được chú trọng.

Về cư trú, cư dân Óc Eo chủ yếu sống trên nhà sàn dựng ven lung lạch hoặc trên các đồi, gò đất hơi cao. Dấu tích, vật dụng sinh hoạt của họ đã khá nhiều trong các di tích cư trú của văn hoá Óc Eo. Họ đã bám trụ ở nơi đây hàng thế kỷ và trở thành chủ nhân của vùng đất mới với nhiều sáng tạo mới. Họ đã tạo ra các sản phẩm vật chất phục vụ cho đời sống, phù hợp với điều kiện tự nhiên nơi đây. Chẳng hạn như loại bình đựng nước có buộc dây có thể đi trên tàu thuyền mà không sợ đổ, loại cà ràng, đèn cổ cao có chân đế rộng có thể đứng vững chắc trên mọi địa hình.

Qua các hiện vật tìm được trong văn hoá Óc Eo đã cho thấy, thời kỳ này, thủ công nghiệp đặc biệt phát triển. Có thể liệt kê đến cả chục ngành nghề, trong đó, quan trọng hơn cả là nghề điêu khắc, rèn đúc kim loại, xây dựng, mộc, dệt... Đặc biệt là nghề làm đồ trang sức và nghề gốm đã phát triển ở trình độ cao. Các ngành nghề thủ công trong văn hoá Óc Eo phát triển đã tạo ra nhiều loại sản phẩm phục vụ cuộc sống định cư của cư dân nơi đây.

Hơn nữa, cư dân Óc Eo đã góp phần tổ chức được ở đây, trong vùng sinh lầy châu thổ sông Cửu Long, những hoạt động mậu dịch quốc tế trên địa bàn rộng rãi, đưa vương quốc Phù Nam trở thành một “quốc gia - đô thị” có thể lục nhất vùng Đông Nam Á, kiểm soát con đường hương liệu lúc bấy giờ. Chính sự giao thương bằng đường biển thuận lợi đã góp phần thúc đẩy nền kinh tế Óc Eo phát triển, làm cho đời sống vật chất cũng như tinh thần của cư dân Óc Eo ngày càng được nâng cao.

Chương 3

ĐẶC ĐIỂM ĐỜI SỐNG VĂN HOÁ TINH THẦN CỦA CƯ DÂN ÓC EO

3.1. Tín ngưỡng, tôn giáo

3.1.1. Tín ngưỡng bản địa

Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên: Vùng ĐBSCL những thế kỷ đầu Công nguyên là một vùng đất mới. Cuộc sống của cư dân nơi đây gặp không ít khó khăn, thách thức, con người thường xuyên phải đối mặt với thiên nhiên; đời sống của họ lệ thuộc chủ yếu vào thiên nhiên, đặc biệt là việc sản xuất nông nghiệp. Mối quan hệ giữa con người và môi trường tự nhiên được coi là mối quan hệ chính yếu nhất, là nhân tố quyết định đến mọi quan hệ xã hội khác. Do đó tín ngưỡng sùng bái tự nhiên trên vùng đất này càng đậm nét hơn bao giờ hết.

Tín ngưỡng phồn thực của cư dân Óc Eo chủ yếu được thể hiện qua những linga, yoni hoặc những viên cuội tự nhiên có hình dáng giống chiếc liga, ít xuất hiện những hành vi giao phối như trong cư dân Đông Sơn. Tín ngưỡng phồn thực luôn hiện hữu trong tâm thức của cư dân nơi đây. Họ đã thần thánh hoá và thờ phụng những vật dễ liên tưởng đến sự sinh sản, để cầu xin sự nảy nở sinh sôi, mùa màng tốt tươi.

Như vậy, trước khi chịu ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ, cư dân Phù Nam đã có những niềm tin, tín ngưỡng riêng của mình. Đó là những tín ngưỡng truyền thống của các cư dân cổ đại ở Đông Nam Á như: tín ngưỡng bái vật giáo với tục thờ đá cuội tự nhiên, hình tượng thảo mộc, cầm thú...; tín ngưỡng phồn thực. Chúng hoà nhập vào nhau, tạo nên màu sắc huyền bí, đa dạng, đặc sắc khó bóc tách, khó phân biệt một cách rõ ràng đâu là tín ngưỡng bản địa, đâu là tôn giáo ngoại lai trong đời sống tín ngưỡng của cư dân nơi đây.

3.1.2. Đạo Bàlamôn

Bàlamôn xuất phát từ Ấn Độ theo con đường thương mại du nhập vào Phù Nam và nhiều nước khác ở Đông Nam Á. Nó chi phối sâu sắc đến đời sống tinh thần của cư dân Óc Eo, đồng thời, tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực văn hoá, kinh tế, chính trị của cư dân nơi đây. Nó đã giữ vai trò quyết định trong việc tạo ra sự chuyển biến về các mối quan hệ trong xã hội của cư dân Óc Eo. Hindu giáo tồn tại và phát triển qua các thời kỳ của vương quốc Phù Nam, khoảng thời gian từ thế kỷ I - VII, và tiếp tục phát triển những giai đoạn tiếp theo. Thực tế đã khẳng định, trong suốt thời kỳ này, Hindu giáo đã xâm nhập và phổ biến rộng rãi, tạo được thiện cảm trong lòng dân chúng bản địa, đã thiết lập được một số mạng lưới các đền tháp Hindu giáo trong khu vực, để lại cho ngày nay số lượng lớn các tượng thờ, vật thờ ở khắp các tỉnh miền TNB.

3.1.3. Đạo Phật

Phật giáo đã có mặt ở vùng ĐBSCL những thế kỷ đầu Công nguyên, với sự xuất hiện của các loại tượng Phật khác nhau. Có những tượng cao lớn như người thật, đặc biệt là tượng gỗ được tìm thấy ở Gò Tháp cao đến 2,91m. Tuy không giữ vai trò quan trọng như Bàlamôn giáo, nhưng Phật giáo có vai trò rất quan trọng, ít nhất là vào khoảng thế kỷ IV – V, mối quan hệ giữa Phù Nam và Trung Hoa rất mật thiết, Phật giáo ở đây phát triển một cách mạnh mẽ, có một vị trí vô cùng quan trọng trong đời sống của cư dân Óc Eo, nó có mặt khắp nơi trên vùng đất miền TNB.

3.2. Nghệ thuật

Nghệ thuật trang trí trên đồ trang sức, chạm khắc trên vàng: Trong văn hoá Óc Eo còn phát hiện rất nhiều đồ trang sức bằng vàng có khảm đá quý rất đẹp. Kỹ thuật khảm đá quý lên các đồ trang sức của cư dân Óc Eo cũng rất tinh tế, đạt trình độ kỹ thuật cao. Ngoài ra, nơi đây còn phát hiện nhiều loại đồ trang

sức như nhẵn, hoa tai, bùa đeo... có kỹ thuật đục và chạm khắc rất tinh tế. Có những hiện vật được chạm trổ rất sâu và mịn như hình người phát hiện ở Nền Chùa (Kiên Giang). Nội dung của những hình chạm khắc trên vàng rất phong phú, đặc biệt là biểu tượng và hoá thân của các vị thần.

Nghệ thuật tạc tượng: Tượng thờ và linh vật thờ ở ĐBSCL trong suốt 10 thế kỷ đầu Công nguyên được tìm thấy rất nhiều trong các di tích thuộc văn hoá Óc Eo, chủ yếu là tượng Phật giáo và Hindu giáo với nhiều chất liệu khác nhau như: gỗ, đá, đất nung, kim loại... Phần lớn những sản phẩm nghệ thuật được chế tác tại chỗ nhưng chịu ảnh hưởng phong cách nghệ thuật từ các nền văn hoá bên ngoài, có thể được du nhập vào ĐBSCL vào khoảng cuối thế kỷ III đầu thế kỷ IV.

Âm nhạc, múa hát: loại hình nghệ thuật rất được coi trọng trong xã hội Óc Eo, nó xuất hiện từ rất sớm trên mảnh đất mang đậm chất Ấn giáo này. Loại hình nghệ thuật này đã rất phát triển trong xã hội Óc Eo. Nó có thể coi là môn “nghệ thuật xa xỉ”, chỉ phục vụ cho giới quý tộc, thờ cúng thần linh và dùng trong việc tiếp đãi khách trong cung đình. Loại hình nghệ thuật này có thể nói đã đạt đến đỉnh cao của các loại hình nghệ thuật. Họ biết tổ chức các đoàn lên đến cả trăm người, có sự phân công chuyên môn như: có những người chuyên hát, múa hoặc đánh đàn. Họ biết hoá trang và có những bộ trang phục riêng dành cho hoạt động biểu diễn.

Như vậy, có thể thấy, đặc điểm chung của nghệ thuật Óc Eo là kết hợp truyền thống văn hoá bản địa của vùng Đông Nam Á với những yếu tố văn hoá mới du nhập, tạo nên một nền nghệ thuật đặc sắc của văn hoá Óc Eo. Những nét đặc sắc trong tư duy nghệ thuật của cư dân cổ ĐBSCL đã phản ánh nhu cầu thẩm mỹ không thể thiếu đối với con người và nhu cầu diễn đạt tư tưởng tôn giáo và tư tưởng đạo đức cộng đồng của cư dân Óc Eo, thể hiện trên hàng trăm di tích và hàng ngàn di vật khảo cổ được phát hiện cho tới nay.

3.3. Phong tục tập quán

Tục lệ ma chay là phong tục duy nhất để lại dấu vết rõ nét trong hệ thống những phong tục tập quán của cư dân Óc Eo ở miền Tây Nam Bộ. Nó thể hiện thái độ ứng xử của con người với con người, giữa cõi sống và cõi chết. Tùy vào từng quan niệm mà họ có những tục lệ, cách ứng xử với người chết khác nhau, từ đó cách thức mai táng cũng khác nhau. Đối với cư dân Óc Eo, tục lệ ma chay rất có thể là một trong những tục lệ quan trọng nhất trong đời sống của họ. Họ

tin rằng, có một thế giới thứ ba đang tồn tại. Những quan niệm đó đã làm cho cư dân Óc Eo rất chú trọng đến cái chết. Dù nghèo hay giàu thì họ cũng chuẩn bị rất chu đáo, công phu cho cái chết. Họ chôn rất nhiều đồ tùy táng cho người chết. Họ tin rằng, ở đó, linh hồn người chết cũng tham gia những công việc hàng ngày, cũng lao động sản xuất (chôn các công cụ sản xuất), cũng có những vị thần linh phù hộ (hình ảnh các vị thần).

Phong tục đeo nhiều đồ trang sức của cư dân Óc Eo được thể hiện rất rõ qua các bức tượng và số lượng lớn đồ trang sức được phát hiện trong các di tích Óc Eo.

Ngoài ra, còn một số phong tục, tập quán của cư dân Óc Eo đã được các sử giả Trung Hoa mô tả lại như: khi thiết triều, nhà vua ngồi nghiêng một bên, chân phải co lên, chân trái buông thõng xuống đất một cách thoải mái, còn trong cuộc sống thì người Phù Nam rất đơn giản, nhưng họ không trộm cắp hay [1, tr.367]. Tuy nhiên, những phong tục này khó có thể chứng minh bằng tư liệu khảo cổ học.

3.4. Chữ viết

Cư dân Óc Eo những thế kỷ đầu Công nguyên đã tiếp nhận chữ viết từ Ấn Độ và dần xây dựng nên một hệ thống chữ viết để ghi lại tiếng nói của mình. Chữ Brahmi với ngôn ngữ Sanskrit là ngôn ngữ chính thức trong vương quốc Phù Nam. Cư dân nơi đây sử dụng ngôn ngữ Sanskrit để chạm khắc những chỉ dụ trên bia đá, trên khung cửa của những ngôi đền, trên kim khí bằng sắt, đồng, vàng, hoặc trên những miếng đất nung... Tuy nhiên, kiểu chữ viết này có thể không được phổ biến trong đời sống của cư dân Óc Eo mà chỉ sử dụng cho tầng lớp trên, tầng lớp tăng lữ.

3.5. Giải trí

Vương quốc Phù Nam được đánh giá là một vương quốc phát triển mạnh mẽ thời bấy giờ. Cư dân phồn thịnh, sung túc, các ngành nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp đều phát triển ở mức cao. Nhu cầu của người dân lúc này không chỉ là cái ăn cái mặc mà còn xuất hiện nhiều trò chơi, giải trí khác nhau như chơi gà, đấu lợn, chơi cờ, xúc xắc, âm nhạc... Những trò giải trí này chưa phải là tất cả. Có thể còn nhiều trò giải trí khác, nhưng do sự hủy hoại của thời gian, cho nên những trò chơi, trò giải trí không được thể hiện qua các hiện vật.

Như vậy, Văn hoá Óc Eo là một phức hệ văn hoá đa dạng, vốn sản sinh từ yếu tố bản địa, với nền văn minh sông nước, kết hợp với văn hoá ngoại lai, trong đó chủ yếu ảnh hưởng bởi văn minh Ấn Độ. Vì vậy, trong đời sống tinh thần của cư dân Óc Eo đã có sẵn những tín ngưỡng bản địa đã giao lưu mật thiết với những tôn giáo mới du nhập từ Ấn Độ. Hệ quả là hầu như không có hiện tượng văn hoá nào còn nguyên tính chất bản địa, mà luôn có bóng dáng của những nền văn hoá ngoại lai, đã hội tụ, tạo nên sự phong phú đa dạng trong đời sống tinh thần của cư dân nơi đây.

Tiểu kết

Đời sống tinh thần của cư dân Óc Eo những thế kỷ đầu Công nguyên rất phong phú và đa dạng. Thời kỳ này, người dân nơi đây không còn chỉ lo cái ăn cái mặc mà đã bắt đầu có nhu cầu về thưởng thức cái đẹp. Các loại hình nghệ thuật nơi đây đã rất phát triển, nổi bật nhất là nghệ thuật trang trí trên đồ trang sức, chạm khắc trên vàng, tạc tượng... Họ đã tiếp nhận một cách linh hoạt các kỹ thuật cũng như tinh thần nghệ thuật Ấn Độ và kết hợp với nghệ thuật bản địa, để tạo ra những sản phẩm mang đặc trưng riêng của cư dân Óc Eo. Ngoài ra, các trò chơi như đá gà, đấu lợn cũng được cư dân Óc Eo thường xuyên tổ chức để giải trí. Đặc biệt, thời kỳ này, chữ viết đã trở thành công cụ để con người truyền đạt những kinh nghiệm sản xuất và đấu tranh.

Trong đời sống tinh thần của cư dân Óc Eo, ngoài thờ Phật giáo và Hindu giáo đã rất phát triển, các tín ngưỡng bản địa vẫn được cư dân lưu giữ, cùng tồn tại song song với các tôn giáo ngoại nhập. Những tượng thờ Phật giáo và Hindu được phát hiện rộng khắp ở vùng ĐBSCL cho phép chúng ta nghĩ rằng, đại bộ phận cư dân của nền văn hoá này đã theo đạo Bàlamôn và đạo Phật.

Bên cạnh đó, văn hoá ứng xử của cư dân Óc Eo đối với người chết được thể hiện một cách rõ nét qua các hiện vật thu được trong các ngôi mộ táng. Những ngôi mộ đã được khai quật chủ yếu được chôn theo tục hỏa táng, một số mộ được còn lại chôn theo tục địa táng, không thấy dấu vết của điều táng và thủy táng mà thư tịch cổ Trung Hoa từng nhắc đến. Bên trong mộ có nhiều hiện vật chôn theo cho thấy, họ rất coi trọng cái chết.

Chương 4

VĂN HOÁ ÓC EO Ở TÂY NAM BỘ TRONG BỐI CẢNH GIAO LƯU VĂN HOÁ VỚI CÁC NỀN VĂN HÓA KHÁC

4.1. Tây Nam Bộ và mạng lưới thương mại trên biển giai đoạn thiên niên kỷ I sau Công nguyên

Phù Nam là một quốc gia rộng lớn ở phía Nam bán đảo Đông Dương; là ngã tư đường của sự giao lưu Đông Tây, mà trước hết là sự giao lưu giữa hai nền văn minh lớn Ấn Độ và Trung Hoa; nằm trên con đường biển nối liền Ấn Độ, Trung Quốc qua tới Trung Cận Đông. Đây là hai trung tâm văn hoá của thế giới, có sự phát triển và ảnh hưởng sâu rộng đến các vùng lân cận.

4.2. Văn hoá Óc Eo giao lưu, tiếp biến với các nền văn hoá khác

4.2.1. *Giao lưu văn hoá với miền Trung và miền Bắc Việt Nam*

Việt Nam có đường bờ biển dài với nhiều vịnh, đảo ven bờ và các cửa sông, thuận tiện cho việc giao thông trên biển. Ngay từ xa xưa, các nhóm cư dân bản địa thường xuyên có các hoạt động giao lưu và trao đổi văn hoá bằng đường biển và đường sông. Nhờ đó, họ tiếp nhận và chia sẻ các thành tựu văn hoá, góp phần hình thành và phát triển nên những quốc gia và nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam. Những dấu tích khảo cổ học rất phong phú và đa dạng đã phát hiện được từ nhiều di tích ven biển, cũng như dọc theo các dòng sông vào sâu trong đất liền, cung cấp nhiều chứng cứ quan trọng cho việc nghiên cứu mối quan hệ giao lưu giữa các quốc gia cổ đại ở miền Bắc, miền Trung và miền Nam Việt Nam với các nước trong khu vực.

4.2.2. *Văn hoá cư dân Óc Eo trong mối quan hệ với Đông Nam Á*

Các dân tộc ở khu vực Đông Nam Á đã từng có những cuộc tiếp xúc và trao đổi sản phẩm với nhau từ hơn 5 thế kỷ TCN. Đặc biệt, trong khu vực Châu Á đã hình thành và phát triển hai nền văn hoá lớn. Đó là văn hoá Hoa Hạ và văn hoá Ấn Hà. Hai nền văn hoá này là hai trung tâm văn hoá lớn của thế giới đã phát triển ảnh hưởng về phương Nam, phương Đông. Từ đây bắt đầu diễn ra quá trình giao lưu, tiếp xúc văn hoá - hưởng người với các cộng đồng cư dân trong vùng, trong đó có Nam Bộ (Việt Nam). Nhờ đó, đã giúp cho các quốc gia cổ đại ở Đông Nam Á có điều kiện phát triển nền nông nghiệp và thương nghiệp một cách mạnh mẽ ngay từ những thế kỷ đầu Công nguyên, làm cho đời sống của cư dân nơi đây ngày càng được nâng cao.

4.2.3. Văn hoá Óc Eo giao lưu, tiếp biến với Ấn Độ và các nền văn hoá khác

Sự tiếp biến các yếu tố văn hoá vật chất: Vương quốc Phù Nam có một cảng thị quốc tế là Óc Eo. Ở đây diễn ra quá trình tiếp xúc khá sớm giữa nhà nước Phù Nam với các nước khác. Trong những hiện vật khai quật được ở Óc Eo có hiện vật của các vương triều Ấn Độ, Trung Á, Đông Hán và Bắc Ngụy, La Mã..., làm cho đời sống của người dân Phù Nam ngày một sung túc, phồn thịnh.

Sự tiếp biến các yếu tố văn hoá tinh thần: Nhờ tính cởi mở, ít kỳ thị với các tư tưởng và tôn giáo mới, cư dân Óc Eo đã tiếp nhận các yếu tố văn hoá đến từ Ấn Độ. Cùng với các nhân tố văn hoá kèm theo, các tôn giáo đã có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống văn hoá tinh thần của cư dân nơi đây. Các thể chế nhà nước cùng với chữ viết, những tri thức khoa học, văn hoá, nghệ thuật... được cư dân Óc Eo tiếp nhận, đồng thời bản địa hoá tạo nên những nét rất riêng.

Sự tiếp biến các yếu tố văn hoá xã hội: Vương quốc Phù Nam được xây dựng trên cơ sở một nền nông nghiệp trồng lúa khá phát triển, bắt nguồn từ ruộng nương của cư dân Môn - Khmer kết hợp với nghề đi biển cổ truyền của cư dân Nam Đảo. Trên cơ sở đó, các tu sĩ Bàlamôn từ Ấn Độ với kinh nghiệm tổ chức nhà nước của mình, đã góp phần quan trọng trong việc tổ chức vương quốc Phù Nam mô phỏng theo mô hình Ấn Độ trên tất cả các mặt. Trong xã hội, chia làm bốn tầng lớp: tầng lữ; quý tộc (vua chúa, quan lại); thương nhân, nông dân, thợ thủ công; nô lệ. Như vậy, xã hội Phù Nam có sự phân chia giai cấp một cách rõ rệt.

4.3. Sự suy tàn của văn hoá Óc Eo

Sau 6 thế kỷ hình thành và phát triển, đến cuối thế kỷ VI đầu thế kỷ VII đế chế Phù Nam và các thuộc quốc của đế chế này bắt đầu từng bước suy yếu, Chân Lạp đã nổi lên chinh phục và hợp nhất thành quốc gia Khmer, mà Bhavaraman I có thể coi là người sáng lập. Đây cũng chính là nguyên nhân quan trọng nhất làm cho Phù Nam - một đế chế hùng mạnh, từng thống trị cả vùng Nam Đông Dương dần biến mất trong lịch sử các nước Đông Nam Á.

Tiểu kết

Qua các tư liệu khảo cổ học có thể thấy, từ rất sớm, những nhóm cư dân cổ trên lãnh thổ Việt Nam và các nước Đông Nam Á, nhờ vào điều kiện tự nhiên thuận lợi đã có những hoạt động trao đổi với thế giới bên ngoài bằng đường biển. Tuy nhiên, phải tới thiên niên kỷ I TCN, các hoạt động này mới được kết nối vào mạng lưới giao thương rộng khắp giữa phương tây và phương đông. Cùng với việc trao đổi hàng hoá, các kỹ thuật cũng được chuyển tải, tiếp nhận và cải biến. Đây là yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy sự phát triển và chuyên môn hoá nhiều ngành sản xuất thủ công bản địa, tăng cường sức sản xuất và số lượng sản phẩm. Song song với đó là sự thúc đẩy các ngành nông nghiệp và khai thác phát triển, sản xuất nông nghiệp bắt đầu mang tính hàng hoá, nơi đây trở thành nơi cung cấp lương thực, thực phẩm, hàng thủ công và lâm thổ sản cho các nhà buôn khi dừng chân giữa những chuyến đi dài.

Như vậy, có thể nói giao lưu, tiếp biến văn hoá là một trong những yếu tố quan trọng, có vai trò rất lớn vào việc hình thành vương quốc Phù Nam. Tuy nhiên, nguồn lực chủ yếu để hình thành một văn minh có nền thương nghiệp phát triển rực rỡ lại chính là những nhân tố nội tại của cư dân Óc Eo.

KẾT LUẬN

1. Trên vùng đất Nam Bộ, văn hoá Óc Eo đã hình thành, phát triển và toả sáng. Con người nơi đây đã khai phá đất đai, tạo dựng cuộc sống, tiếp thu và phát triển một nền văn minh tương đối cao trong hơn 5 thế kỷ. Thông qua tài liệu khảo cổ học đã cho phép phác hoạ một cách khái quát bức tranh về đời sống của cư dân Óc Eo ở TNB:

Cư dân Óc Eo đã tự tạo cho mình một cuộc sống tương đối ổn định, phong phú. Họ biết tận dụng những thức ăn sẵn có bằng cách triển khai các hoạt động săn bắt, hái lượm theo phổ rộng, và chăn nuôi nhiều loại động vật, trồng nhiều loại cây để bổ sung nguồn lương thực, thực phẩm cho cuộc sống. Họ biết đào kênh dẫn thủy nhập điền, tưới tiêu cho ruộng đồng, phát triển nghề trồng lúa nước, đồng thời, cũng là phương tiện giao thông hữu hiệu cho người dân nơi đây.

Hình thức cư trú trên nhà sàn là truyền thống cư trú bản địa của cư dân Óc Eo. Loại kiến trúc này còn lưu lại nhiều dấu vết ở các địa điểm trong vùng đầm lầy, thấp trũng, ngập nước ven sông, ven bờ biển cổ trong các di chỉ thuộc thời đại kim khí trước đó và liên tục kế thừa nhiều thế kỷ SCN. Còn ở những

giồng đất cao, họ biết đắp nền làm nhà trệt. Những hình thức cư trú này đã thể hiện rất rõ văn hoá ứng xử linh hoạt của cư dân Óc Eo với môi trường tự nhiên.

Các nghề thủ công ở Phù Nam rất phong phú và đa dạng với trình độ và quy mô khác nhau, phản ánh một số đặc điểm địa lý tự nhiên - môi trường, kỹ thuật sản xuất và trong một chừng mực nào đó, là tư duy thẩm mỹ, trí thông minh sáng tạo của tộc người trong quá trình thích ứng với môi trường tự nhiên và xã hội. Các nghề thủ công đã tạo ra rất nhiều sản phẩm nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng, sinh hoạt hàng ngày của cư dân nơi đây. Các loại công cụ sản xuất, vật liệu, đồ trang trí mỹ nghệ có giá trị văn hoá và hàng hoá cao, trong khuôn khổ của nền sản xuất tiền công nghiệp, gắn chặt với hoạt động nông nghiệp qua các giai đoạn lịch sử.

Với vị trí của một thương cảng toạ lạc tại địa điểm trung gian của “*Con đường tơ lụa trên biển*”, cư dân Óc Eo đã sớm tiếp xúc với nhiều nền văn hoá trên thế giới. Quan hệ thương mại giữa Óc Eo với thế giới bên ngoài sớm được chứng minh qua những hiện vật được phát hiện trong các di tích Óc Eo như hai đồng tiền vàng La Mã, gương đồng thời Hán, đồ trang sức hai đầu thú...

Đời sống tinh thần của cư dân Óc Eo cũng vô cùng phong phú, đa dạng.

Về tín ngưỡng, tôn giáo, cư dân Óc Eo ở vùng ĐBSCL có sự hội nhập giữa tín ngưỡng với các nước cổ đại cùng thời. Cùng với các tín ngưỡng bản địa, hai tôn giáo Phật giáo và Hindu giáo đã phát triển một cách mạnh mẽ trên vùng đất này. Các vị thần Hindu rất phong phú và đa dạng, trong đó thần Vishnu được thờ cúng rộng rãi nhất. Còn thần Siva được thờ chủ yếu dưới hình thức linga và yoni. Đạo Phật cũng có mặt ở đây từ rất sớm, khoảng thế kỷ II với 2 phái Đại thừa và Tiểu thừa, được chứng minh qua các di vật: tượng Phật Thích Ca, Quan Âm và tượng Di Lặc Bồ Tát...

Các loại hình nghệ thuật thời kỳ này đã rất phát triển. Đó là nền nghệ thuật đặc trưng bởi kỹ thuật chạm khắc trên khuôn đúc, tạo ra những hình ảnh được cách điệu, ổn định và có tính tiêu chuẩn hoá. Bằng những hình ảnh nghệ thuật này, nghệ nhân Phù Nam truyền đạt một quan niệm nằm trong thế quan tôn giáo, tiêu biểu cho xã hội nông nghiệp, thương nghiệp và thủ công nghiệp phát triển. Thêm vào đó là sự tiếp nhận một cách linh hoạt các kỹ thuật cũng như tinh thần nghệ thuật Ấn Độ kết hợp với nghệ thuật bản địa, để tạo ra những sản phẩm mang đặc trưng của cư dân Óc Eo từ những thế kỷ đầu Công nguyên.

Quan niệm về thế giới quan, nhân sinh quan của cư dân Óc Eo cũng được thể hiện rất rõ qua văn hoá ứng xử với người đã chết. Dưới con mắt của người dân nơi đây - những tín đồ theo Ấn Độ giáo thì cái chết là khởi nguồn của mọi niềm hạnh phúc, an lạc, là được về với một thế giới khác tốt đẹp hơn. Chính vì thế mà đồ tùy táng trong các ngôi mộ cổ rất phong phú, đa dạng.

Luận án xem xét văn hoá Óc Eo trong bối cảnh giao lưu thương mại đã tác động đến đời sống của người dân nơi đây một cách toàn diện. Nhờ lợi thế nhiều mặt, đặc biệt là điều kiện tự nhiên mà vương quốc Phù Nam nhanh chóng có sức hút đối với thương nhân nhiều nơi trên thế giới. Người dân nơi đây đã khéo léo tiếp thu tinh hoa của các nền văn hoá khác, nhất là văn hoá Ấn Độ để tạo ra diện mạo mới, mang một sắc thái riêng.

2. Văn hoá khảo cổ Óc Eo ở miền TNB có vị trí rất quan trọng trong lịch sử phát triển văn hoá thời sơ sử; là một trong ba trung tâm văn hoá tiêu biểu, gắn liền với quá trình hình thành nhà nước cổ đại đầu tiên trên đất nước Việt Nam hiện nay và cũng là nhà nước sớm nhất của vùng Đông Nam Á. Sự phát triển trong đời sống vật, chất tinh thần của chủ nhân văn hoá Óc Eo không chỉ góp phần làm cho nền văn hoá này ngày càng thêm rực rỡ, mà còn để lại những giá trị to lớn, đóng góp vào diễn trình văn hoá Việt Nam, làm cho văn hoá Việt Nam thêm đa dạng, đậm đà bản sắc dân tộc. Đây chính là những điều kiện cho sự phát triển, giao lưu văn hoá với các nước trong khu vực và trên thế giới. Việc sưu tầm, lưu giữ, nghiên cứu và bảo tồn di tích - di vật văn hoá Óc Eo có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội ngày nay ở Nam Bộ.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Song Thương (2010), “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, (310), tr.70-74.
2. Nguyễn Thị Song Thương (2010), “Di sản văn hóa Gò Tháp, giá trị và tiềm năng”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, (314), tr.17-21.
3. Nguyễn Thị Song Thương (2014), “Vài nét về đồ gốm trong văn hóa Óc Eo”, *Tạp chí Di sản Văn hóa*, (356), tr.55-60.
4. Nguyễn Thị Song Thương (2014), “Giao lưu, tiếp biến văn hóa Ấn Độ và văn hóa Óc Eo”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, (356), tr.13-17.
5. Nguyễn Thị Song Thương (2014), “Văn hóa mưu sinh của cư dân Óc Eo ở miền Tây Nam Bộ”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa - Trường Đại học Văn hóa Hà Nội*, (12), tr.28-35.
6. Nguyễn Thị Song Thương (2014), “Một số hoạt động kinh tế nông nghiệp trong văn hóa Óc Eo ở miền Tây Nam Bộ”, *Tạp chí Khảo cổ học*, (5), tr.50-57.
7. Nguyễn Thị Song Thương (2015), “Tín ngưỡng, tôn giáo của cư dân Óc Eo qua tài liệu khảo cổ học”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn hoá - Trường ĐH Văn hoá Hà Nội*, (12), tr.18-26.